|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần: 10, 11** (Từ ngày 11/11/2024 đến 23/11/2024) | Tiết PPCT: 19, 20, 21 | Ngày soạn: 09/11/2024 | Lớp dạy: 11B1, 11B6 |

**TÊN BÀI DẠY: DINH DƯỠNG VÀ TIÊU HÓA Ở ĐỘNG VẬT**

**Thời gian thực hiện: 03 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nêu được quá trình dinh dưỡng bao gồm: lấy thức ăn, tiêu hoá, hấp thụ và đồng hoá chất dinh dưỡng.

- Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh), trình bày được các hình thức tiêu hoá ở động vật.

- Vận dụng đuợc hiểu biết về dinh dưỡng trong xây dựng chế độ ăn uống và các biện pháp dinh dưỡng phù hợp ở mỗi lứa tuổi và trạng thái cơ thể.

- Giải thích được vai trò của việc sử dụng thực phẩm sạch trong đời sống con nguời.

- Thực hiện tìm hiểu được các bệnh về tiêu hoá ở người và các bệnh học đường liên quan đến dinh duỡng và cách phòng tránh.

- Vận dụng hiểu biết về hệ tiêu hoá để phòng các bệnh về tiêu hoá.

**2. Về năng lực**

*- Nhận thức Sinh học:* Nhận thức được vai trò của quá trình dinh dưỡng, nêu được các giai đoạn của quá trình dinh dưỡng, phân biệt được tiêu hóa nội bào và tiêu hóa ngoại bào; tiêu hóa trong túi tiêu hóa và trong ống tiêu hóa, tiêu hóa cơ học, tiêu hóa hóa học và tiêu hóa sinh học;

- *Tìm hiểu thế giới sống:* giải thích được vai trò của thực phẩm sạch và nguyên nhân gây các bệnh đường tiêu hóa ở người và động vật.

*- Vận dụng:* Vận dụng được hiểu biết về hệ tiêu hóa để phòng tránh các bệnh tiêu hóa; xây dựng chế độ ăn uống và biện pháp dinh dưỡng phù hợp ở mỗi lứa tuổi và thể trạng cơ thể.

- *Tự chủ và tự học:*Tự nghiên cứu và thiết kế các thí nghiệm; Phân công công việc cho các thành viên trong nhóm, tự đánh giá về kết quả hoàn thành nhiệm vụ.

- *Giao tiếp và hợp tác:* Phân công và thực hiện được các nhiệm vụ trong nhóm.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Chủ động đề xuất mẫu vật, dụng cụ để thực hiện thí nghiệm, dự kiến kết quả thí nghiệm => HS phát hiện và giải quyết vấn đề xảy ra trong hô hấp.

**3. Về phẩm chất**

- *Nhân ái:* Giáo dục lòng nhân ái, ý thức tìm tòi, học hỏi và hứng thú tìm hiểu các quá trình sinh lý của cây, yêu rừng và có ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước, đất.

- *Trung thực:* Trong kiểm tra, đánh giá để tự hoàn thiện bản thân.

- *Trách nhiệm:*

+ Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

+ Bảo vệ môi trường sống => tạo điều kiện cây xanh hô hấp tốt.

+ Vận dụng các kiến thức đã học vào trồng trọt, bảo quản nông sản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Giấy A0, bút dạ

- Phiếu học tập

- Các tài liệu hỗ trợ hoạt động dạy học, các hình ảnh SGK.

**2. Học sinh**

- Nghiên cứu trước nội dung bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. KHỞI ĐỘNG**

***a. Mục tiêu***

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.

- Làm bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh.

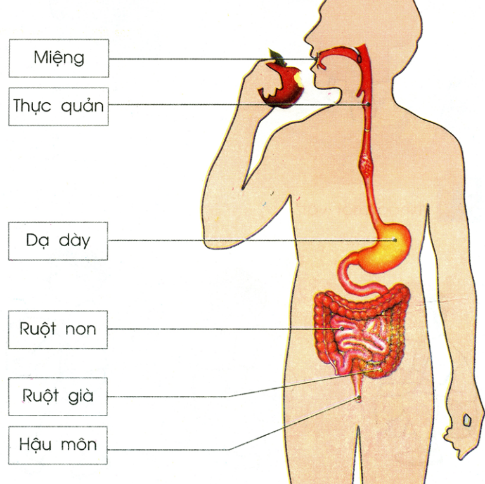
- Học sinh huy động được những kiến thức kĩ năng kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích mong muốn tìm hiểu bài học mới.

***b. Nội dung:***

GV cho HS mô tả về món ăn sáng nay các em đã ăn và con đường đi của thức ăn đó khi vào cơ thể em.

***c. Sản phẩm:***

HS có thể sáng tạo nhiều hình thức khác nhau, vẽ tranh, mô hình từ bìa carton hoặc sử dụng bạn học để minh họa cho bài thuyết trình:



***d. Tổ chức thực hiện***

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***

GV cho HS làm việc cá nhân, sơ đồ hóa đường đi của món ăn sáng nay của em khi vào hệ tiêu hóa. Sau đó HS thực hiện thảo luận nhóm đôi để chia sẻ.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:***

+ Học sinh làm việc cá nhân, vẽ hình, mô hình hóa hoặc sơ đồ đường đi thức ăn trong hệ tiêu hóa

***Bước 3.  Báo cáo kết quả:***

+ Học sinh: hoạt động nhóm đôi, trao đổi sản phẩm học tập của mình.

+ GV: gọi đại diện một số cặp đôi chia sẻ trước lớp, HS lắng nghe và nhận xét.

***Bước 4. Kết luận, nhận định:***

GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và chốt lại một số ý kiến cơ bản như dự kiến trong mục tiêu cần đạt để làm cơ sở để đi vào hoạt động hình thành kiến thức.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\* Hoạt động 1: I. QUÁ TRÌNH DINH DƯỠNG**

***a. Mục tiêu:***

- Nêu được quá trình dinh dưỡng bao gồm: lấy thức ăn, tiêu hoá, hấp thụ và đồng hoá chất dinh dưỡng.

- Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh), trình bày được các hình thức tiêu hoá ở động vật.

***b. Nội dung:***

GV cho HS làm việc nhóm để trả lời các câu hỏi.

***c. Sản phẩm:***

Nhóm 1:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| LOÀI | KIỂU LẤY THỨC ĂN | | |
| Ăn lọc | Ăn hút | Ăn thức ăn rắn |
| Hàu | x |  |  |
| Sò | x |  |  |
| Rệp |  | x |  |
| Nhện |  | x |  |
| Ong |  | x |  |
| Thằn lằn |  |  | x |
| Cá chép |  |  | x |
| Cá voi |  |  | x |
| Đại bàng |  |  | x |

Nhóm 2: Phân biệt tiêu hoá nội bào với tiêu hoá ngoại bào.

- Tiêu hóa nội bào: tiêu hóa xảy ra bên trong tế bào.

- Tiêu hóa ngoại bào: tiêu hóa xảy ra bên ngoài tế bào.

Nhóm 3: Phân biệt tiêu hóa ở các nhóm động vật

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm phân biệt** | **Động vật chưa có cơ quan tiêu hóa** | **Động vật có túi tiêu hóa** | **Động vật có ống tiêu hóa** |
| Đại diện | trùng giày, amip … | Thủy tức | Giun đất, châu chấu, cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú |
| Cấu tạo của cơ quan tiêu hóa | Chưa có | - Túi tiêu hóa có hình túi và được hình thành từ nhiều tế bào. Túi tiêu hóa có một lỗ thông duy nhất ra bên ngoài. Lỗ thông vừa làm chức năng miệng vừa làm chức năng hậu môn. | - Ống tiêu hóa được cấu tạo từ nhiều bộ phận khác nhau. |
| Hình thức tiêu hóa | Thức ăn được tiêu hóa nội bào | Tiêu hóa nội bào và ngoại bào | Tiêu hóa ngoại bào là chủ yếu |

Nhóm 4: Cho biết tác dụng của tiêu hoá cơ học và tiêu hoá hoá học thức ăn trong ống tiêu hoá.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Tiêu hóa cơ học** | **Tiêu hóa hóa học** |
| **Ở KHOANG MIỆNG** | Hoạt động của miệng và lưỡi làm nhỏ thức ăn, trộn thức ăn với  nước bọt. | Enzyme amylase trong nước bọt thuỷ phân tinh bột trong thức ăn  thành đường maltose. |
| **Ở DẠ DÀY** | Dạ dày co bóp làm nhỏ thức ăn và trộn thức ăn với dịch vị. | Enzyme pepsin và HCI trong dịch vị dạ dày phân giải protein trong thức ăn thành các peptide. |
| **Ở RUỘT** | Các nhu động của ruột non (co thắt từng đoạn, dao động kiểu con lắc và nhu động kiểu làn sóng) có tác dụng nhào trộn thức ăn với dịch tuy, dịch mật, dịch ruột, đồng thời đẩy thức ăn dịch chuyển trong ruột non về phía ruột già. | Các enzyme trong dịch tụy và dịch ruột thuỷ phân các chất dinh dưỡng trong thức ăn thành các chất dinh dưỡng đơn giản có thể hấp thụ được. |

***b. Tổ chức thực hiện:***

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK và thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi.

Câu hỏi chuyển giao nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: Điền tên một số loài động vật: hàu, sò, rệp, nhện, ong, thằn lằn, cá chép, cá voi, đại

bàng vào bảng kẻ trong vở và đánh dấu X vào kiểu lấy thức ăn tương ứng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **LOÀI** | **KIỂU LẤY THỨC ĂN** | | |
| Ăn lọc | Ăn hút | Ăn thức ăn rắn |
| Hàu |  |  |  |
| Sò |  |  |  |
| Rệp |  |  |  |
| Nhện |  |  |  |
| Ong |  |  |  |
| Thằn lằn |  |  |  |
| Cá chép |  |  |  |
| Cá voi |  |  |  |
| Đại bàng |  |  |  |

+ Nhóm 2: Phân biệt tiêu hoá nội bào với tiêu hoá ngoại bào.

+ Nhóm 3: Phân biệt tiêu hoá ở các nhóm động vật: chưa có cơ quan tiêu hóa, ĐV có túi tiêu hóa, ĐV có ống tiêu hóa.

+ Nhóm 4: Cho biết tác dụng của tiêu hoá cơ học và tiêu hoá hoá học thức ăn trong ống tiêu hoá.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:***

- Đọc SGK, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi.

***Bước 3.  Báo cáo kết quả:***

- GV yêu cầu đại diện HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

***Bước 4. Kết luận, nhận định:***

- Giáo viên nhận xét câu trả lời của các học sinh, chính xác hóa câu trả lời của các câu hỏi.

**CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ:** Sản phẩm học tập là các câu trả lời và đánh giá dựa theo CCĐG Rubric (đánh giá theo tiêu chí)

**Phiếu đánh giá theo tiêu chí về mức độ hoàn thành sản phẩm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức 3** | **Mức 2** | **Mức 1** |
| *Dựa vào sản phẩm là câu trả lời để đánh giá*  ***(5 điểm)*** | Hoàn thành nhanh và chính xác các yêu cầu. | Chỉ hoàn thành được những 70% nhiệm vụ. | Hoàn thành phiếu học tập theo hướng dẫn của giáo viên |
| **5 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** |
| *Dựa trên quan sát để đánh giá*  ***(5 điểm)*** | Cá nhân học sinh tập hợp nhóm nhanh, trật tự theo đúng các tiêu chí mà giáo viên yêu cầu. | Cá nhân học sinh tập hợp nhóm theo đúng các tiêu chí mà giáo viên yêu cầu. | Cá nhân học sinh tập hợp nhóm cần sự hướng dẫn của giáo viên |
| **5 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** |

***GHI NHỚ KIẾN THỨC***

|  |
| --- |
| ***I/QUÁ TRÌNH DINH DƯỠNG***  **1. Khái niệm về dinh dưỡng**  - Dinh dưỡng là quá trình lấy chất dinh dưỡng cần thiết dưới dạng thức ăn và tổng hợp thành chất sống của cơ thể, đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển.  - Quá trình dinh dưỡng gồm bốn giai đoạn: lấy thức ăn, tiêu hoá thức ăn, hấp thụ chất dinh dưỡng và đồng hoá các chất.  **2. Các giai đoạn của quá trình dinh dưỡng**  **a. Lấy thức ăn:** động vật lấy thức ăn từ môi trường theo 3 kiểu chính:  \* **Ăn lọc:** là kiểu lọc nước qua bộ phận chuyên hoá để lấy thức ăn.  \* **Ăn hút:** thức ăn được lấy vào bằng cách hút dịch lỏng từ cơ thể động vật hoặc thực vật.  \* **Ăn thức ăn rắn kích cỡ khác nhau**: nhiều phương thức lấy thức ăn khác nhau như dùng vòi để hút, dùng răng cắn nhỏ thức ăn,…  **b. Tiêu hóa thức ăn**  - Tiêu hoá là quá trình biến đổi thức ăn chứa các chất dinh dưỡng có cấu tạo phức tạp thành các phân tử nhỏ, đơn giản mà cơ thể có thể hấp thụ được.  - Bao gồm 2 hình thức tiêu hóa:  + Tiêu hóa nội bào: tiêu hóa thức ăn diễn ra bên trong tế bào.  + Tiêu hóa ngoại bào: tiêu hóa thức ăn diễn ra bên ngoài tế bào.  - Các nhóm động vật:  + ĐV chưa có cơ quan tiêu hóa: thức ăn tiêu hóa nội bào. Đại diện: ĐVNS  + ĐV có túi tiêu hóa: thức ăn được tiêu hóa nội bào và ngoại bào. Đại diện: Ruột khoang, giun dẹp  + ĐV có ống tiêu hóa: trong ống tiêu hóa, thức ăn được tiêu hóa ngoại bào. Đại diện: hầu hết ĐV không xương sống và có xương sống.  **\* Quá trình tiêu hóa thức ăn trong hệ tiêu hóa của người:**  - Tiêu hóa ở khoang miêng: tiêu hóa cơ học và tiêu hóa hóa học.  - Tiêu hóa ở dạ dày: tiêu hóa cơ học, hóa học.  - Tiêu hóa ở ruột non: tiêu hóa cơ học, tiêu hóa hóa học.  **c. Hấp thụ dinh dưỡng**  - Hấp thụ là quá trình các chất dinh dưỡng đi ra khỏi các cơ quan tiêu hoá vào hệ tuần hoàn máu và hệ tuần hoàn bạch huyết.  - Hấp thụ các chất dinh dưỡng chủ yếu diễn ra ở ruột non.  - Các chất dinh dưỡng đơn giản được ruột non hấp thụ theo hai phương thức: vận chuyển chủ động và vận chuyển thụ động.  **d. Đồng hóa các chất**  Chất dinh dưỡng đã hấp thụ được hệ tuần hoàn vận chuyển đến các tế bào của cơ thể và được đồng hoá thành chất sống của cơ thể (các chất này tham gia tạo tế bào mới, đổi mới các thành phần tế bào, sửa chữa các tế bào, mô hư hỏng) và dự trữ năng lượng, cung cấp năng lượng cho tế bào hoạt động. |

***……………………………………………………………………………………………………***

**\* Hoạt động 2: II. Ứng dụng**

***a. Mục tiêu:***

- Vận dụng đuợc hiểu biết về dinh dưỡng trong xây dựng chế độ ăn uống và các biện pháp dinh dưỡng phù hợp ở mỗi lứa tuổi và trạng thái cơ thể.

- Giải thích được vai trò của việc sử dụng thực phẩm sạch trong đời sống con nguời.

- Thực hiện tìm hiểu được các bệnh về tiêu hoá ở người và các bệnh học đường liên quan đến dinh duỡng và cách phòng tránh.

- Vận dụng hiểu biết về hệ tiêu hoá để phòng các bệnh về tiêu hoá.

***b. Nội dung:***

- GV cho HS đọc sách và yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập.

***c. Sản phẩm:*** Các bài báo cáo trên MS powerpoint.

***b. Tổ chức thực hiện:***

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***

GV sử dụng phương pháp dạy học dự án, chia lớp thành các nhóm học tập với các nhiệm vụ khác nhau trước 1 tuần, trao đổi và tiến hành viết báo cáo các nội dung sau:

Nhóm 1. Cần áp dụng chế độ ăn uống như thế nào để đảm bảo đủ chất dinh dưỡng cho cơ thể? Tại sao cần có chế độ ăn phù hợp với mỗi lứa tuổi như trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ trong thời kì cho con bú?

Nhóm 2. Điều tra thực trạng thực phẩm bẩn ở địa phương em? Vai trò của thực phẩm sạch.

Nhóm 3 +4. Tìm hiểu qua tài liệu, internet, đồng thời tìm gặp bác sĩ hoặc những người có chuyên môn về dinh dưỡng hỏi vể các bệnh tiêu hoá phổ biến, các bệnh học đường liên quan đến dinh dưỡng, sau đó kẻ và hoàn thành các bảng vào vở theo mẫu sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các bệnh học đường | Nguyên nhân | Cách phòng tránh |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:***

- Các nhóm nhận nhiệm vụ, phân công công việc và tiến hành phân công nhiệm vụ từng cá nhân, tìm kiếm tài liệu, xử lý thông tin và làm báo cáo thuyết trình trên MS powerpoint.

- GV giám sát tiến độ thực hiện nhiệm của HS qua nhóm trưởng.

***Bước 3.  Báo cáo kết quả:***

- GV cho đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm học tập của nhóm, các nhóm khác lắng nghe, ghi chép, phản biện.

***Bước 4. Kết luận, nhận định:***

- Giáo viên nhận xét sản phẩm học tập của các nhóm, chính xác hóa các kiến thức và đặt các câu hỏi mở rộng.

**CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ:** Sản phẩm học tập là phiếu học tập và đánh giá dựa theo CCĐG Rubric (đánh giá theo tiêu chí)

**Phiếu đánh giá theo tiêu chí về mức độ hoàn thành sản phẩm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mức chất lượng | Thang điểm | Mô tả mức chất lượng | Điểm đạt được |
| * XS | * 9-10 | * Rõ ràng, đúng chính tả. * Nội dung trả lời khoa học, đúng tất cả. * Trình bày rõ ràng, tự tin thuyết phục, giao lưu người nghe * 100% thành viên tham gia |  |
| * Tốt | * 7-8 | * Rõ ràng, còn lỗi chính tả. * Nội dung trả lời khoa học, đúng 2/3. * Trình bày rõ ràng, tự tin thuyết phục, giao lưu người nghe * ~80% thành viên tham gia |  |
| * Đạt yêu cầu | * 5-6 | * Rõ ràng, còn lỗi chính tả. * Nội dung trả lời đáp ứng yêu cầu, đúng 1/2. * Trình bày chưa rõ ràng, thiếu tự tin thuyết phục, ít giao lưu người nghe * ~60% thành viên tham gia |  |
| * Chưa đạt YC | * 0-4 | * Đơn điệu, còn lỗi chính tả. * Nội dung chưa đáp ứng yêu cầu tối thiểu. * Trình bày không rõ, không tự tin thuyết phục, không giao lưu người nghe * <40% thành viên tham gia |  |

***GHI NHỚ KIẾN THỨC***

|  |
| --- |
| ***II/ỨNG DỤNG***  **1. Xây dựng chế độ ăn uống khoa học**  - Đủ năng lượng: tùy độ tuổi, giới tính, trạng thái sinh lý,… để có chế độ ăn cung cấp đủ năng lượng  - Đủ các chất dinh dưỡng và khối lượng mỗi chất dinh dưỡng: đủ 6 nhóm chất: carbohydrate, lipid, protein, vitamin, khoáng chất và nước. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.  **2. Vai trò của việc sử dụng thực phẩm sạch trong đời sống**  - Cung cấp các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể, tạo điều kiện tối ưu cho sựtồn tại và phát triển của cơ thể. Từ đó, nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều của cải, giảm thiểu các chi phí về y tế và thời gian điều trị bệnh.  - An toàn cho người sử dụng, tránh được các bệnh do tác nhân sinh học, hoá học, vật lí trong thức ăn gây ra.  **3. Các bệnh về tiêu hóa và cách phòng tránh**  - Bệnh về đường tiêu hoá như tiêu chảy, viêm loét dạ dày tá tràng, ung thư đại tràng,...  - Nguyên nhân: do ăn uống không đúng cách, chế độ ăn uống không cân đối, ăn thực phẩm không đảm bảo vệ sinh; có bệnh là do lối sống như uống rượu bia nhiều, hút nhiều thuốc, thời gian ăn uống tuỳ tiện, không hợp lí,...  - Phòng tránh các bệnh về tiêu hoá cần có chế độ ăn đủ chất, đủ lượng, hạn chế đồ mặn, đồ chiên xào, đảm bảo vệ sinh, ăn uống điều độ, tránh vận động ngay sau khi ăn,... |

***……………………………………………………………………………………………………***

**3. LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu:***

Hệ thống hóa và củng cố lại kiến thức cơ bản về tiêu hóa ở động vật.

***b. Nội dung:*** GV cho HS chơi trò chơi ô chữ.

***c. Sản phẩm:*** đáp án ô chữ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Đ** | **Ô** | **N** | **G** | **V** | **Â** | **T** | **Đ** | **Ơ** | **N** | **B** | **A** | **O** |
|  |  |  |  |  |  |  | **D** | **I** | **C** | **H** | **T** | **I** | **Ê** | **U** | **H** | **O** | **A** |
| **T** | **Ê** | **B** | **A** | **O** | **T** | **U** | **Y** | **Ê** | **N** |
|  |  |  |  |  |  | **H** | **Â** | **U** | **M** | **Ô** | **N** |
|  |  |  |  |  |  |  | **T** | **H** | **Ư** | **C** | **Q** | **U** | **A** | **N** |
|  |  |  |  |  |  |  | **H** | **O** | **A** | **H** | **O** | **C** |
|  |  |  |  |  | **N** | **G** | **O** | **A** | **I** | **B** | **A** | **O** |

***d. Tổ chức thực hiện:***

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***

GV tổ chức HS chơi theo nhóm, yêu cầu điền ô chữ và tìm từ của ô hàng dọc và nêu khái niệm, ý nghĩa của từ đó: (GV dùng bảng phụ vừa vấn đáp vừa điền vào ô chữ)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Gợi ý: (Mỗi gợi ý vừa hỏi vừa trả lời trong 30 giây)

Hàng 1 (13 chữ ): Động vật nào chưa có cơ quan tiêu hoá?

Hàng 2 (11 chữ): Thức ăn được tiêu hoá hoá học nhờ yếu tố nào?

Hàng 3 (10 chữ): Ở Thuỷ tức, trên thành túi tiêu hoá có tế bào gì?

Hàng 4 (7 chữ): Nơi thải chất bã của động vật có ống tiêu hoá?

Hàng 5 (8 chữ): Ở người bộ phận nào của ống tiêu hoá không có tiêu hoá hoá học?

Hàng 6 (6 chữ): Ở ruột non tiêu hoá nào là chủ yếu?

Hàng 7 (8 chữ): Quá trình tiêu hoá ở túi tiêu hoá được gọi là gì?

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:***

- Các nhóm lần lượt giải các ô hàng ngang và tìm từ khóa.

- GV quan sát các nhóm hoạt động và hỗ trợ.

***Bước 3.  Báo cáo kết quả:***

* - Đại diện các nhóm trả lời.

***Bước 4. Kết luận, nhận định:***

-GV yêu cầu các nhóm nhận xét, đánh giá chấm điểm chéo nhau

-GV nhận xét (cơ sở cuối giờ chấm điểm) và chốt kiến thức.

**4. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu*:**

Học sinh vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn cuộc sống.

***b. Nội dung:***

GV yêu cầu về nhà tìm hiểu thêm về các bệnh hệ tiêu hóa, và tìm hiểu các biện pháp phòng tránh, bảo vệ sức khỏe.

***c. Sản phẩm:***

- các bệnh về tiêu hóa: rối loạn tiêu hóa, trào ngược dạ dày, đại tràng, tiêu chảy,…

- Các biện pháp

+ chế độ dinh dưỡng hợp lý, uống nhiều nước, ăn nhiều rau xanh

+ ăn uống đúng giờ, tập luyện thể thao

+ giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh thực phẩm,

+ hông sử dụng quá nhiều cà phê và rượu. Rượu, cà phê, thuốc lá có thể can thiệp vào các hoạt động của hệ tiêu hóa, làm mất cân bằng hệ vi sinh đường ruột, gây rối loạn tiêu hóa.

***d . Tổ chức thực hiện:***

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***

Yêu cầu về nhà tìm hiểu thêm về các bệnh hệ tiêu hóa, và tìm hiểu các biện pháp phòng tránh, bảo vệ sức khỏe.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:***

+ Học sinh hoạt động cá nhân tại nhà

+ GV hướng dẫn, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn.

***Bước 3.  Báo cáo kết quả:***

+ GV yêu cầu trả lời trong tiết học sau

+ Đại diện học sinh trả lời câu hỏi

***Bước 4. Kết luận, nhận định:***

+ HS nhận xét lẫn nhau để tìm ra câu trả lời tốt nhất.

+ GV nhận xét, bổ sung → Kết luận.